

Số: 148/2018/NQ-HĐND

Bắc Ninh, ngày 06 tháng 12 năm 2018

NGHỊ QUYẾT

**V/v Ban hành Quy định hỗ trợ đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng
nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn tỉnh**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH BẮC NINH
KHOÁ XVIII, KỲ HỌP THỨ MƯỜI**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015;

Căn cứ Luật ngân sách Nhà nước năm 2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 77/2015/NĐ-CP ngày 10/9/2015 của Chính phủ về kế hoạch đầu tư công trung hạn và hàng năm;

Căn cứ Nghị định số 136/2015/NĐ-CP ngày 31/12/2015 của Chính phủ về Hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ về quy định chi tiết một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 57/2018/NĐ-CP ngày 17/4/2018 của Chính phủ về cơ chế, chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn;

Căn cứ Nghị định số 77/2018/NĐ-CP ngày 16/5/2018 của Chính phủ về Hỗ trợ phát triển thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng và tưới tiên tiến, tiết kiệm nước;

Xét Tờ trình số 458/TTr-UBND ngày 30/11/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh, về việc ban hành Quy định hỗ trợ đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh; báo cáo thẩm tra của Ban kinh tế - ngân sách và ý kiến thảo luận của đại biểu.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Ban hành kèm theo Nghị quyết này “Quy định hỗ trợ đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh”.

Điều 2. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo, tổ chức thực hiện Nghị quyết này. Hằng năm, báo cáo kết quả thực hiện tại kỳ họp thường lệ của Hội đồng nhân dân tỉnh.

Điều 3. Bãi bỏ các quy định về hỗ trợ hạ tầng nông thôn ban hành theo Nghị quyết số 31/2016/NQ-HĐND ngày 08/12/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Ninh về việc ban hành Quy định Hỗ trợ phát triển sản xuất nông nghiệp và hạ tầng nông thôn giai đoạn 2016 - 2020 trên địa bàn tỉnh và các quy định trước đây trái với Nghị quyết này, kể từ ngày 01/01/2019.

Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh có trách nhiệm đôn đốc, kiểm tra, giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết được Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Ninh khoá XVIII, kỳ họp thứ Mười thông qua ngày 06/12/2018 và có hiệu lực kể từ ngày 01/01/2019. /

Nơi nhận:

- UBND tỉnh, Chính phủ (b/c);
- Các Bộ: TNMT, NN&PTNT, KHĐT, TC (b/c);
- Bộ Tư pháp (Cục KTVB);
- TT Tỉnh ủy, HĐND, UBND, UBMTTQVN tỉnh;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- VKSND, TAND tỉnh;
- Các Ban HĐND; các đại biểu HĐND tỉnh;
- VP: Tỉnh ủy, UBND tỉnh;
- Các Sở, Ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- Các cơ quan Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh;
- Các Huyện ủy, Thị ủy, Thành ủy;
- TT.HĐND, UBND các huyện, TX, TP;
- Công báo; Đài PTTH; Cổng TTĐT tỉnh, Báo BN, TTXVN tại BN;
- VP: CVP, phòng TH, lưu VT. *hinh*

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Xuân Thu

QUY ĐỊNH
Hỗ trợ đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng nông nghiệp, nông thôn
trên địa bàn tỉnh

*(Ban hành kèm theo Nghị quyết số: 148/2018/NQ-HĐND
ngày 06/12/2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Ninh)*

Chương I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh:

Quy định này quy định cụ thể về hỗ trợ các dự án đầu tư xây dựng mới hoặc nâng cấp, tu bổ, sửa chữa các công trình kết cấu hạ tầng trên địa bàn các xã, phường, thị trấn (gọi tắt là cấp xã) thuộc các lĩnh vực: Nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn; giao thông; các trường học công lập (trường trung học cơ sở, tiểu học, mầm non); trụ sở UBND các xã, phường, thị trấn (sau đây gọi chung là UBND cấp xã); nhà văn hoá; trạm y tế; kiên cố hoá kênh mương, trạm bơm cục bộ; chợ; nghĩa trang nhân dân; cơ sở vật chất hợp tác xã nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh.

Điều 2. Đối tượng áp dụng:

1. Ủy ban nhân dân cấp xã, các tổ chức, cá nhân có các dự án đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng thuộc các lĩnh vực tại Điều 1 Quy định này được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước, Luật Đầu tư công, Luật Xây dựng và các văn bản quy phạm pháp luật khác liên quan;

2. Các cơ quan, đơn vị có liên quan đến điều hành, quản lý và sử dụng kinh phí hỗ trợ đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng nông nghiệp, nông thôn.

Điều 3. Nguyên tắc áp dụng:

1. Ngân sách tỉnh hỗ trợ theo các mức hỗ trợ tại Quy định này, phần còn lại sử dụng từ ngân sách cấp huyện, cấp xã và nguồn khác;

2. Trong trường hợp cùng thời gian, nếu có nhiều chính sách hỗ trợ từ các chương trình, dự án khác nhau, thì đối tượng thụ hưởng được lựa chọn áp dụng một chính sách hỗ trợ có lợi nhất;

3. Đối tượng được hỗ trợ phải đáp ứng đầy đủ các điều kiện hỗ trợ và trình tự, thủ tục theo Quy định này;

4. Các đối tượng được hưởng chính sách hỗ trợ, mức hỗ trợ phải được công khai trên trang thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân cấp huyện và của Sở, ngành liên quan;

5. Các công trình, dự án đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng nông thôn phải tuân thủ các quy định về quản lý đầu tư xây dựng cơ bản hiện hành của nhà nước.

Chương II

QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Mục 1

HỖ TRỢ ĐẦU TƯ XÂY DỰNG KẾT CẤU HẠ TẦNG NÔNG NGHIỆP

Điều 4. Hỗ trợ phát triển thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng, tưới tiên tiến, tiết kiệm nước và các trạm bơm cục bộ:

Các đối tượng thuộc quy định tại Nghị định 77/2018/NĐ-CP ngày 16/5/2018 của Chính phủ về Hỗ trợ phát triển thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng và tưới tiên tiến, tiết kiệm nước thì thực hiện theo mức tối đa theo Nghị định trên.

Điều 5. Hỗ trợ đầu tư xây dựng cơ sở vật chất hợp tác xã nông nghiệp:

Hỗ trợ hợp tác xã nông nghiệp xây dựng trụ sở, nhà kho, sân phơi, cửa hàng vật tư nông nghiệp, xưởng sơ chế, chế biến, bảo quản nông sản với mức hỗ trợ 70% giá trị quyết toán của dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Tối đa không quá 5 tỷ đồng/hợp tác xã.

Mục 2

HỖ TRỢ ĐẦU TƯ XÂY DỰNG KẾT CẤU HẠ TẦNG NÔNG THÔN

Điều 6. Hỗ trợ dự án đầu tư xây dựng công trình nước sạch nông thôn tập trung:

1. Đối với các dự án do nhà nước trực tiếp đầu tư:

Ngân sách nhà nước đầu tư 100% giá trị quyết toán dự án được phê duyệt bao gồm: Khu đầu mối và hệ thống đường ống cấp nước (hệ thống đường ống chính và đường ống nhánh);

Nhân dân đóng góp để đầu nối với các hệ thống đường ống nhánh bao gồm: Cụm đồng hồ đo nước, đường ống dẫn nước từ đường ống nhánh đến đồng hồ và từ đồng hồ vào đến hộ gia đình và các phụ kiện kèm theo.

2. Đối với các dự án do doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân đầu tư: Mức hỗ trợ tối đa theo quy định tại Nghị định số 57/2018/NĐ-CP ngày 17/4/2018 của Chính phủ về cơ chế chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn; Quyết định số 131/2009/QĐ-TTg ngày 02/11/2009 của Thủ tướng Chính phủ về một số chính sách ưu đãi, khuyến khích đầu tư và quản lý, khai thác công trình cấp nước sạch nông thôn và các hướng dẫn kèm theo.

Điều 7. Hỗ trợ đầu tư xây dựng, nâng cấp đường giao thôn:

Hỗ trợ đầu tư xây dựng, nâng cấp cải tạo đường trục cấp xã, đường trục thôn, đường ngõ, xóm, đường trục chính nội đồng, được hỗ trợ 100% giá trị quyết toán dự án được phê duyệt, nhưng không lớn hơn tổng mức đầu tư theo thiết kế mẫu do Sở Giao thông vận tải công bố;

Cấp kỹ thuật đường trục cấp xã, đường trục thôn, đường ngõ, xóm, đường trục chính nội đồng tối thiểu đạt tiêu chuẩn theo quy định tại Quyết định số 4927/QĐ-BGTVT ngày 25/12/2014 của Bộ Giao thông vận tải về việc Ban hành “Hướng dẫn lựa chọn quy mô kỹ thuật đường giao thông nông thôn phục vụ chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới”.

Điều 8. Hỗ trợ xây dựng mới, cải tạo nâng cấp trụ sở Ủy ban nhân dân cấp xã và nhà văn hoá cấp thôn:

Hỗ trợ xây dựng mới và nâng cấp trụ sở Ủy ban nhân dân cấp xã, nhà văn hóa cấp thôn, được hỗ trợ 100% giá trị quyết toán dự án được phê duyệt, nhưng không lớn hơn tổng mức đầu tư theo thiết kế mẫu do Sở Xây dựng công bố.

Điều 9. Xây dựng mới, sửa chữa nâng cấp trường học:

Xây dựng mới và nâng cấp, sửa chữa trường học được hỗ trợ 100% giá trị quyết toán dự án được phê duyệt, nhưng không lớn hơn tổng mức đầu tư theo thiết kế mẫu do Sở Xây dựng công bố.

Điều 10. Xây dựng mới, sửa chữa nâng cấp trạm y tế:

Xây dựng mới và nâng cấp, sửa chữa trạm y tế được hỗ trợ 100% giá trị quyết toán dự án được phê duyệt, nhưng không lớn hơn tổng mức đầu tư theo thiết kế mẫu do Sở Xây dựng công bố.

Điều 11. Hỗ trợ đầu tư xây dựng, nâng cấp chợ do UBND cấp xã quản lý, theo quy hoạch của cấp có thẩm quyền phê duyệt:

Xây dựng chợ mới được hỗ trợ 70% giá trị quyết toán được phê duyệt, nhưng không quá 1,5 tỷ đồng/chợ, nâng cấp cải tạo chợ không quá 0,8 tỷ đồng/chợ.

Điều 12. Hỗ trợ xây dựng nghĩa trang nhân dân:

Xây dựng, quản lý, sử dụng nghĩa trang nhân dân phải thực hiện theo Nghị định số 23/2016/NĐ-CP ngày 05/4/2016 của Chính phủ về xây dựng, quản lý, sử dụng nghĩa trang và cơ sở hỏa táng;

Địa điểm xây dựng mới nghĩa trang phải phù hợp với quy hoạch nghĩa trang vùng tỉnh, quy hoạch đô thị và quy hoạch xây dựng nông thôn mới được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt;

Đầu tư xây dựng nghĩa trang mới hoặc mở rộng nghĩa trang hiện có (tính trên phần diện tích mở rộng) được hỗ trợ 100% kinh phí đền bù giải phóng mặt bằng.

Mục 3

QUẢN LÝ, SỬ DỤNG NGUỒN VỐN VÀ PHƯƠNG THỨC CẤP PHÁT, THANH TOÁN

Điều 13. Lập kế hoạch vốn và giao dự toán:

1. Lập kế hoạch vốn được thực hiện theo Quy định của Luật Đầu tư công; Nghị định số 77/2015/NĐ-CP ngày 10/9/2015 của Chính phủ về Kế hoạch đầu tư công trung hạn và hàng năm; Nghị định số 136/2015/NĐ-CP ngày 31/12/2015 của Chính phủ về hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư công; Thông tư số

01/2017/TT-BKHĐT ngày 04/02/2017 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn quy trình lập kế hoạch đầu tư cấp xã thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia;

Ưu tiên bố trí vốn xây dựng kết cấu hạ tầng nông thôn cho các xã đăng ký về đích nông thôn mới.

2. Việc giao dự toán, phân bổ kinh phí, quản lý sử dụng, phương thức cấp phát kinh phí hỗ trợ: Thực hiện theo Luật Đầu tư công, Luật Ngân sách nhà nước, các quy định hiện hành của tỉnh về quản lý đầu tư công trên địa bàn tỉnh và các văn bản hướng dẫn khác.

3. Các đơn vị cấp xã có hành vi vi phạm pháp luật, ngoài xử lý theo quy định của pháp luật thì sẽ bị xem xét đình chỉ kế hoạch vốn vào năm tiếp theo.

Điều 14. Quyết toán và công khai vốn hỗ trợ:

1. Quyết toán dự án hoàn thành thực hiện theo hướng dẫn theo quy định của Bộ Tài chính;

2. Thực hiện công khai tài chính theo Thông tư số 10/2005/TT-BTC ngày 02/02/2005 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện quy chế công khai tài chính đối với việc phân bổ, quản lý sử dụng vốn đầu tư xây dựng cơ bản thuộc nguồn vốn ngân sách nhà nước; Thông tư số 21/2005/TT-BTC ngày 22/3/2005 của Bộ Tài chính, hướng dẫn thực hiện quy chế công khai tài chính đối với các đơn vị dự toán ngân sách và các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ; công khai danh sách công trình được hỗ trợ, kế hoạch lựa chọn nhà thầu; kế hoạch vốn hỗ trợ trong năm; tổng vốn hỗ trợ lũy kế và quyết toán công trình trên trang thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân cấp huyện.

Điều 15. Công tác giám sát, đánh giá đầu tư và thanh tra, kiểm tra:

1. Định kỳ hoặc đột xuất, Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp các ngành có liên quan và Ủy ban nhân dân cấp huyện tổ chức giám sát, đánh giá đầu tư; các cơ quan chức năng thanh tra, kiểm tra, đánh giá hiệu quả sử dụng vốn của các chương trình, dự án đầu tư trên địa bàn;

2. Giám sát đầu tư của cộng đồng theo quy định của pháp luật và Chỉ thị số 06/CT-UBND ngày 15/6/2012 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về tăng cường công tác giám sát đầu tư của cộng đồng theo Quy chế giám sát đầu tư của cộng đồng.

Điều 16. Chế độ báo cáo:

1. Hàng quý, chậm nhất vào ngày 05 của tháng đầu quý, Ủy ban nhân dân cấp huyện báo cáo tình hình thực hiện chính sách hỗ trợ đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng nông thôn với Sở Kế hoạch và Đầu tư; Sở Tài chính chậm nhất vào ngày 10 của tháng đầu quý để tổng hợp báo cáo UBND tỉnh..

2. Các Sở, ngành liên quan báo cáo tình hình thực hiện về Ủy ban nhân dân tỉnh theo định kỳ 6 tháng và 01 năm, đối với báo cáo 6 tháng gửi trước ngày 15/7

báo cáo năm gửi trước ngày 31/01 thông qua Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính để tổng hợp.

Chương III

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 17. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân tỉnh:

1. Tổ chức triển khai, hướng dẫn thực hiện Quy định này. Hằng năm, báo cáo kết quả thực hiện với Hội đồng nhân dân tỉnh;
2. Chỉ đạo các Sở, ngành và UBND cấp huyện triển khai thực hiện theo chức năng, nhiệm vụ được pháp luật quy định và theo Quy định này;
3. Trong quá trình thực hiện chính sách nếu có các trường hợp phát sinh, UBND tỉnh báo cáo Thường trực HĐND tỉnh để xem xét;
4. Tổ chức thanh tra, kiểm tra, việc thực hiện Quy định này.

Điều 18. Trách nhiệm các Sở, ban, ngành thuộc tỉnh:

1. Sở Kế hoạch và Đầu tư:

- a) Chủ trì phối hợp với Sở Tài chính, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và các Sở chuyên ngành thẩm định, trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt kế hoạch hỗ trợ vốn đầu tư, đảm bảo theo quy định hiện hành về quản lý đầu tư công trên địa bàn tỉnh;
- b) Chủ trì tổng hợp báo cáo định kỳ hằng tháng, quý theo quy định;
- c) Tổ chức kiểm tra, giám sát, đánh giá đầu tư, báo cáo giám sát, đánh giá tổng thể đầu tư theo quy định của pháp luật.

2. Sở Tài chính:

- a) Hằng năm cân đối ngân sách để thực hiện chính sách hỗ trợ theo Quy định này;
- b) Quản lý, cấp phát nguồn vốn hỗ trợ từ ngân sách tỉnh cho ngân sách cấp huyện và các đơn vị dự toán cấp tỉnh; đơn đốc giải ngân, thanh quyết toán, thanh tra, kiểm tra các nội dung hỗ trợ theo đúng quy định hiện hành.

3. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn:

- a) Thực hiện theo chức năng, nhiệm vụ được UBND tỉnh giao;
- b) Hướng dẫn tổ chức, cá nhân thuộc đối tượng thụ hưởng hoàn thiện hồ sơ, thủ tục hỗ trợ theo Quy định này trong phạm vi quản lý của ngành.

4. Viện Nghiên cứu Phát triển kinh tế - xã hội tỉnh:

Định kỳ hằng năm tổ chức khảo sát, đánh giá tác động, hiệu quả trong triển khai thực hiện, quản lý chương trình hỗ trợ xây dựng hạ tầng nông thôn, thu thập ý

kiến phản ánh của nhân dân, đánh giá mức độ hài lòng của người dân trong việc thực hiện Quy định này, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh.

5. Các Sở, ngành khác liên quan:

a) Sở Xây dựng, Sở Giao thông vận tải: Xây dựng và hoàn thiện hướng dẫn áp dụng thiết kế mẫu, thiết kế điển hình; suất đầu tư, thẩm định thiết kế, dự toán các hạng mục, dự án đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng thuộc chuyên ngành quản lý theo phân công, phân cấp quản lý;

b) Các Sở ngành khác trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao, tổ chức thực hiện các nội dung tại Quy định này.

Điều 19. Ủy ban nhân dân cấp huyện và cấp xã:

1. Ủy ban nhân dân cấp huyện có trách nhiệm huy động các nguồn lực hợp pháp khác, cùng với ngân sách tỉnh hỗ trợ cấp xã thực hiện tốt Nghị quyết này. Tuyên truyền, triển khai thực hiện chính sách hỗ trợ trên địa bàn và trực tiếp quản lý tốt các nguồn kinh phí;

Chịu trách nhiệm thẩm định dự án, thiết kế, dự toán các hạng mục theo phân công, phân cấp quản lý;

Chỉ đạo các phòng, đơn vị chức năng, Ủy ban nhân dân cấp xã và các đơn vị, xây dựng kế hoạch dự toán kinh phí hỗ trợ đảm bảo trong khả năng ngân sách của tỉnh và địa phương; tổng hợp quyết toán khối lượng công việc đã thực hiện phù hợp với quyết định giao dự toán đầu năm; hoàn thiện các chứng từ pháp lý theo quy định, tiếp nhận và sử dụng đúng mục đích kinh phí hỗ trợ trên địa bàn;

Tổ chức kiểm tra phát hiện và xử lý kịp thời các vi phạm trong quá trình triển khai thực hiện. Đối với những vi phạm nghiêm trọng phải báo cáo ngay Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và các Sở chuyên ngành.

2. Ủy ban nhân dân cấp xã xây dựng dự án, kế hoạch, huy động nguồn lực của địa phương thực hiện chính sách hỗ trợ và quản lý kinh phí hỗ trợ của chính sách này đúng theo quy định hiện hành.

Ủy ban nhân dân cấp xã và các tổ chức, cá nhân được tiếp nhận và sử dụng kinh phí hỗ trợ chịu trách nhiệm quản lý, sử dụng đúng mục đích, tiết kiệm và hiệu quả. Ngăn chặn và xử lý kịp thời các vi phạm trong việc tiếp nhận và sử dụng kinh phí hỗ trợ. Đồng thời, chịu trách nhiệm trước Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện theo quy định.

Điều 20. Ủy ban Mặt trận tổ quốc cấp xã, các tổ chức chính trị xã hội và đại diện của cộng đồng dân cư:

Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc cấp xã, các Tổ chức chính trị xã hội và đại diện của cộng đồng dân cư thực hiện giám sát cộng đồng trong thực hiện chính sách hỗ trợ tại cấp xã theo quy định. Phối hợp với chính quyền địa phương tuyên truyền,

vận động nhân dân, các tổ chức, cá nhân thực hiện tốt các chính sách hỗ trợ đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng nông thôn;

Các cơ quan thông tin truyền thông từ tỉnh đến cơ sở có trách nhiệm tuyên truyền thường xuyên để nhân dân biết và thực hiện Quy định này.

Điều 21. Quy định chuyển tiếp:

Mức hỗ trợ đối với các công trình đã có quyết định phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu từ ngày 08/7/2014 đến ngày 31/12/2016, thực hiện hỗ trợ theo Nghị quyết số 128/2014/NQ-HĐND17 ngày 24/4/2014 và Nghị quyết số 175/2015/NQ-HĐND17 ngày 24/4/2015 của Hội đồng nhân dân tỉnh; các công trình có quyết định phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu từ ngày 01/01/2017 đến 31/12/2018 thực hiện hỗ trợ theo Nghị quyết số 31/2016/NQ-HĐND18 ngày 08/12/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh. Riêng đối với các công trình được hỗ trợ mua vật liệu theo Khoản 12,13, Điều 1 của Nghị quyết số 31/2016/NQ-HĐND18 nhưng chưa hoàn thành, phê duyệt quyết toán được áp dụng mức hỗ trợ tại quy định này.

Điều 22. Tổ chức triển khai thực hiện:

Người đứng đầu của các tổ chức, cá nhân liên quan đến việc quản lý, điều hành và sử dụng kinh phí, phải trực tiếp chỉ đạo các đơn vị, cá nhân, tăng cường kiểm tra, đôn đốc, phát hiện và xử lý kịp thời các vi phạm trong quá trình triển khai thực hiện chính sách. Nếu thực hiện tốt sẽ được khen thưởng, để xảy ra vi phạm hoặc có hành vi lợi dụng chính sách để trục lợi cá nhân, gây lãng phí, thất thoát tài sản và ngân sách nhà nước, thì người đứng đầu phải chịu trách nhiệm và bị xử lý theo quy định của pháp luật;

Trong quá trình tổ chức thực hiện, nếu có vướng mắc, các đơn vị phản ánh về Sở Kế hoạch và Đầu tư và Sở Tài chính, Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn tổng hợp, đề xuất, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết định. / 

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Xuân Thu